

Số: 14 /CBTT.BCF

Sa Đéc, ngày 28 tháng 03 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Thực phẩm Bích Chi thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi

- Mã chứng khoán: BCF
- Địa chỉ: Số 45x1 Nguyễn Sinh Sắc, Phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0277 3861 910 Fax: 0277 3864 674
- Email: [info@bichchi.com.vn](mailto:info@bichchi.com.vn) Website: [www.bichchi.com.vn](http://www.bichchi.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025
  - ☒ BCTC riêng (TCNY có công ty con);
  - ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/03/2026 tại đường dẫn: [www.bichchi.com.vn](http://www.bichchi.com.vn) (mục Thông tin cổ đông/ Thông tin tài chính)

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% trở lên trong kỳ báo cáo: Không

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: /

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất): /

- Ngày hoàn thành giao dịch: /

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**\* Tài liệu đính kèm:**

- BCTC Riêng năm 2025;
- Văn bản giải trình chênh lệch LNST chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ năm 2024.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**Phạm Thanh Bình**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỰC PHẨM BÍCH CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13 /BCF.HĐQT

Sa Đéc, ngày 28 tháng 03 năm 2026

V/v giải trình chênh lệch  
LNST năm 2025 chênh lệch  
hơn 10% so với cùng kỳ năm  
2024

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo Tài chính Hợp nhất, Riêng năm 2025 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi;

Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi xin giải trình về việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2024 như sau:

Đơn vị: VND

|                  |          | Lợi nhuận sau thuế<br>TNDN | Chênh lệch tăng | %      |
|------------------|----------|----------------------------|-----------------|--------|
| BCTC<br>Riêng    | Năm 2024 | 105.483.458.001            | 16.386.509.259  | 15,53% |
|                  | Năm 2025 | 121.869.967.260            |                 |        |
| BCTC<br>Hợp nhất | Năm 2024 | 103.250.566.485            | 13.666.881.936  | 13,24% |
|                  | Năm 2025 | 116.917.448.421            |                 |        |

\* **Nguyên nhân:** Do doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty năm 2025 tăng; giá nguyên vật liệu đầu vào ổn định.

Trên đây là giải trình nguyên nhân về lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 tăng so với cùng kỳ 2024 của Công ty.

Trân trọng!

\* **Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- SGDCKHN;
- Lưu VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Phạm Thanh Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**THỰC PHẨM BÍCH CHI**



## **MỤC LỤC**

|                                                                                                         | <b>Trang</b>   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>                                                                                       | <b>1</b>       |
| <b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>                                                                 | <b>2 - 3</b>   |
| <b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>                                                                     | <b>4 - 5</b>   |
| <b>4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>                                            | <b>6 - 9</b>   |
| <b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính<br/>kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025</b> | <b>10</b>      |
| <b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính<br/>kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>           | <b>11 - 12</b> |
| <b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính<br/>kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>    | <b>13 - 36</b> |
| <b>8. Phụ lục</b>                                                                                       | <b>37 - 38</b> |

\*\*\*\*\*



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Thực phẩm Bích Chi theo Quyết định số 968/QĐ.UB.HC ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400371184, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 20 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp cấp.

### **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Điện thoại : (0277) 386 1910
- Fax : (0277) 386 4674

Công ty có Kho - Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi đặt tại địa chỉ: 81-83-85-87, đường số 2, khu dân cư Tân Nhựt, xã Tân Nhựt, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến và bán buôn thực phẩm.

### **Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

| Họ và tên            | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm                     |
|----------------------|------------|-----------------------------------|
| Ông Mai Thế Khôi     | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Phạm Thanh Bình  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Trang Sĩ Đức     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Bùi Văn Sáu      | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Phạm Hoàng Thái  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Ngọc Tiềm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021 |
| Bà Nguyễn Hương Liên | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021 |

#### **Ban kiểm soát**

| Họ và tên              | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm                     |
|------------------------|------------|-----------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thu Thủy | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Trần Mạnh Hùng     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Thảo | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021 |

#### **Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên             | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm        |
|-----------------------|-------------------|-----------------------------------|
| Ông Phạm Thanh Bình   | Tổng Giám đốc     | Tái bổ nhiệm 01 tháng 8 năm 2025  |
| Ông Phạm Hoàng Thái   | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2016 |
| Bà Bùi Thị Ngọc Tuyền | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2020 |
| Ông Trần Quang Minh   | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2024 |



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên           | Chức vụ                    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm        |
|---------------------|----------------------------|-----------------------------------|
| Ông Mai Thế Khôi    | Chủ tịch Hội đồng quản trị | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Phạm Thanh Bình | Tổng Giám đốc              | Tái bổ nhiệm 01 tháng 8 năm 2025  |

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Phạm Thanh Bình**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 26 tháng 3 năm 2026



# A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Hồ Chí Minh Head Office : 02 Trưng Sơn St., Tân Sơn Hòa Ward, Hồ Chí Minh City, Vietnam  
Hanoi Branch : 40 Giảng Võ St., Giảng Võ Ward, Hà Nội City, Vietnam  
Central Region Branch : Lot STR 66A 01 Road 13, Lê Hồng Phong II Urban Area, Nam Hòa Trung Ward, Khánh Hòa Province, Vietnam  
Southwest Branch : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Hùng Phú Ward, Cần Thơ City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn  
Tel: +84 (024) 3736 7879 ktlv.hn@a-c.com.vn  
Tel: +84 (0258) 245 5151 ktlv.nt@a-c.com.vn  
Tel: +84 (0292) 376 4995 ktlv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 4.0179/26/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày bảng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 22 tháng 3 năm 2025.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Tây Nam Bộ**



**Nguyễn Quốc Ngữ**

**Thành viên Ban Giám đốc**

*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3089-2025-008-1*

Người được ủy quyền

**Nguyễn Thùy Trang**

**Kiểm toán viên**

*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3592-2026-008-1*

TP. Cần Thơ, ngày 26 tháng 3 năm 2026



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                            | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>357.144.193.712</b> | <b>356.460.098.358</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>49.527.629.042</b>  | <b>93.476.308.218</b>  |
| 1. Tiền                                             | 111        |             | 29.527.629.042         | 24.946.308.218         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 20.000.000.000         | 68.530.000.000         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>105.571.000.000</b> | <b>74.920.000.000</b>  |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2a        | 105.571.000.000        | 74.920.000.000         |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>92.391.934.871</b>  | <b>71.083.186.281</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 86.298.639.363         | 64.813.821.824         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 2.933.794.883          | 4.581.258.400          |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5         | 6.666.903.049          | 4.307.318.174          |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.6         | (3.507.402.424)        | (2.619.212.117)        |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>106.275.200.810</b> | <b>112.840.859.551</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.7         | 106.275.200.810        | 112.840.859.551        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>3.378.428.989</b>   | <b>4.139.744.308</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.8a        | 327.834.737            | 269.928.726            |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 2.921.058.596          | 2.913.172.387          |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.15        | 129.535.656            | 956.643.195            |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                        | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>253.684.791.550</b> | <b>177.440.629.253</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>81.137.472.430</b>  | <b>45.200.000.000</b>  |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        | V.9         | 81.137.472.430         | 45.200.000.000         |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | -                      | -                      |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>61.662.509.704</b>  | <b>70.668.186.488</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.10        | 61.432.509.704         | 70.438.186.488         |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 284.760.535.208        | 278.339.364.160        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (223.328.025.504)      | (207.901.177.672)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.11        | 230.000.000            | 230.000.000            |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 354.500.000            | 354.500.000            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (124.500.000)          | (124.500.000)          |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>21.534.895.814</b>  | <b>11.365.777.716</b>  |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.12        | 21.534.895.814         | 11.365.777.716         |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>88.435.912.082</b>  | <b>50.000.000.000</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        | V.2b        | 100.000.000.000        | 50.000.000.000         |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                      | -                      |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        | V.2b        | (11.564.087.918)       | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>914.001.520</b>     | <b>206.665.049</b>     |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.8b        | 914.001.520            | 206.665.049            |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>610.828.985.262</b> | <b>533.900.727.611</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                            | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>167.850.962.707</b> | <b>136.363.132.316</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>167.629.842.707</b> | <b>136.158.012.316</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.13        | 14.596.601.424         | 21.194.588.334         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.14        | 4.738.101.780          | 3.933.289.672          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.15        | 8.187.902.975          | 4.405.976.502          |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        | V.16        | 14.773.396.763         | 13.259.127.632         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.17        | 528.024.545            | 471.288.762            |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.18a       | 45.037.497.835         | 36.025.278.908         |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.19        | 75.279.826.115         | 51.956.323.236         |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.20        | 4.488.491.270          | 4.912.139.270          |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>221.120.000</b>     | <b>205.120.000</b>     |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.18b       | 221.120.000            | 205.120.000            |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                      | -                      |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ**

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                                     | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>442.978.022.555</b> | <b>397.537.595.295</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>442.978.022.555</b> | <b>397.537.595.295</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.21        | 379.647.700.000        | 338.972.130.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 379.647.700.000        | 338.972.130.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                                            | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        |             | -                      | -                      |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                              | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        | V.21        | 13.982.553.207         | 13.982.553.207         |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        | V.21        | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.21        | 49.347.769.348         | 44.582.912.088         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 3.907.342.088          | 44.582.912.088         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 45.440.427.260         | -                      |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí                                            | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>610.828.985.262</b> | <b>533.900.727.611</b> |

  
Phan Thị Tuyết Sương  
Người lậpTrần Văn Thiệu  
Kế toán trưởng  
Phạm Thanh Bình  
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 3 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                           | Mã số | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
|                                                    |       |             |                 |                 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 798.165.689.872 | 773.292.152.622 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    | VI.2        | 16.945.648.393  | 11.403.916.298  |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 781.220.041.479 | 761.888.236.324 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.3        | 553.027.988.616 | 561.553.532.153 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 228.192.052.863 | 200.334.704.171 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.4        | 18.735.106.185  | 14.808.975.570  |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.5        | 15.847.338.289  | 5.636.979.188   |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 3.388.230.385   | 2.755.199.594   |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | VI.6        | 57.169.757.227  | 50.574.300.672  |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.7        | 23.455.083.637  | 30.324.454.039  |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 150.454.979.895 | 128.607.945.842 |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.8        | 3.372.091.652   | 3.728.890.301   |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.9        | 716.784.399     | 314.974.308     |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 2.655.307.253   | 3.413.915.993   |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 153.110.287.148 | 132.021.861.835 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.15        | 31.240.319.888  | 26.538.403.834  |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -               | -               |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | 121.869.967.260 | 105.483.458.001 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.10       |                 |                 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.10       |                 |                 |

Phan Thị Tuyết Sương  
Người lập

Trần Văn Thiệu  
Kế toán trưởng

Phạm Thanh Bình  
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 3 năm 2026



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số     | Thuyết minh     | Năm nay                  | Năm trước               |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------|--------------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                          |           |                 |                          |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                    | 01        |                 | 153.110.287.148          | 132.021.861.835         |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                               |           |                 |                          |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư                                          | 02        | V.10            | 17.810.847.832           | 18.529.677.796          |
| - Các khoản dự phòng                                                                       | 03        | V.2b, V.6       | 12.452.278.225           | (777.556.601)           |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        | VI.5            | 187.882.551              | 603.292.094             |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                              | 05        | VI.4            | (10.749.693.698)         | (7.800.490.772)         |
| - Chi phí lãi vay                                                                          | 06        | VI.5            | 3.388.230.385            | 2.755.199.594           |
| - Các khoản điều chỉnh khác                                                                | 07        |                 | -                        | -                       |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |                 | 176.199.832.443          | 145.331.983.946         |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                            | 09        |                 | (23.329.656.356)         | (4.084.146.788)         |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                  | 10        |                 | 6.565.658.741            | (8.411.999.102)         |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả                                                            | 11        |                 | (2.331.301.428)          | 7.703.297.547           |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                             | 12        |                 | (765.242.482)            | 449.821.216             |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh                                                        | 13        |                 | -                        | -                       |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                      | 14        | VI.5, V.17      | (3.378.660.965)          | (2.763.236.428)         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                        | 15        | V.15            | (29.715.003.268)         | (26.068.850.555)        |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                    | 16        |                 | -                        | -                       |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                   | 17        | V.20, V.21      | (923.648.000)            | (790.608.908)           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |                 | <b>122.321.978.685</b>   | <b>111.366.260.928</b>  |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                             |           |                 |                          |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        | V.4, V.10, V.12 | (16.549.289.146)         | (19.232.616.906)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        |                 | -                        | 514.545.455             |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |                 | (237.771.000.000)        | (151.371.168.000)       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |                 | 171.182.527.570          | 128.650.000.000         |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                 | 25        | V.2b            | (50.000.000.000)         | -                       |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                             | 26        |                 | -                        | -                       |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        | V.5, VI.4       | 10.094.130.272           | 8.015.048.576           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                           | <b>30</b> |                 | <b>(123.043.631.304)</b> | <b>(33.424.190.875)</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

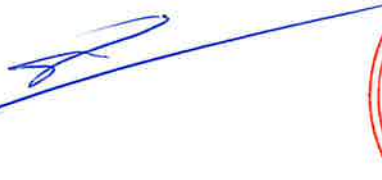
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước               |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                         |           |             |                         |                         |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                       | -                       |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                       | -                       |
| 3. Tiền thu từ đi vay                                                                      | 33        | V.19        | 206.594.462.347         | 143.348.738.968         |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                                     | 34        | V.19        | (183.411.659.496)       | (145.304.328.865)       |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                                          | 35        |             | -                       | -                       |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36        | V.21d       | (66.545.149.100)        | (57.788.423.900)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                        | <b>40</b> |             | <b>(43.362.346.249)</b> | <b>(59.744.013.797)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                                     | <b>50</b> |             | <b>(44.083.998.868)</b> | <b>18.198.056.256</b>   |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                                    | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>93.476.308.218</b>   | <b>75.284.607.108</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | 135.319.692             | (6.355.146)             |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                                   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>49.527.629.042</b>   | <b>93.476.308.218</b>   |

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 3 năm 2026

  
Phan Thị Tuyết Sương  
Người lập

  
Trần Văn Thiệu  
Kế toán trưởng



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp; kinh doanh thương mại và dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến và bán buôn thực phẩm.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Cấu trúc Công ty**

##### ***Công ty con***

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Thực phẩm Bích Chi 2 có trụ sở chính tại cụm Công nghiệp Cái Tàu Hạ - An Nhơn, ấp Phú Hòa 1, xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất chế biến: hủ tiếu, phở, bún gạo, miến, bánh trắng, bột các loại, bánh phồng tôm,... Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 879 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 820 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 06 – 30       |
| Máy móc và thiết bị             | 03 – 10       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 07 – 10       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 05            |

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao phương pháp đường thẳng theo thời gian ghi trên quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### **10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **12. Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **13. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

#### **14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

#### 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                                                                  | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                                                                         | 153.724.127           | 205.998.226           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn                                                  | 29.373.904.915        | 24.740.309.992        |
| Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng | 20.000.000.000        | 68.530.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                                                      | <b>49.527.629.042</b> | <b>93.476.308.218</b> |

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

|                                                       | Số cuối năm            |                        | Số đầu năm            |                       |
|-------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                       | Giá gốc                | Giá trị ghi sổ         | Giá gốc               | Giá trị ghi sổ        |
| <b>Ngắn hạn</b>                                       |                        |                        |                       |                       |
| Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng - 12 tháng <sup>(i)</sup> | 105.571.000.000        | 105.571.000.000        | 74.920.000.000        | 74.920.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                           | <b>105.571.000.000</b> | <b>105.571.000.000</b> | <b>74.920.000.000</b> | <b>74.920.000.000</b> |

<sup>(i)</sup> Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng và 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Đồng Tháp và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp có giá trị ghi sổ cuối năm là 35.300.000.000 VND đã được dùng cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại các ngân hàng này (xem thuyết minh số V.19).

**2b. Đầu tư vào công ty con**

|                                   | Số cuối năm            |                         | Số đầu năm            |          |
|-----------------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|----------|
|                                   | Giá gốc                | Dự phòng                | Giá gốc               | Dự phòng |
| Công ty TNHH Thực phẩm Bích Chi 2 | 100.000.000.000        | (11.564.087.918)        | 50.000.000.000        | -        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>100.000.000.000</b> | <b>(11.564.087.918)</b> | <b>50.000.000.000</b> | <b>-</b> |

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1402062488, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 02 năm 2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 24 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thực phẩm Bích Chi 2 số tiền 100.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm 50.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty đã đầu tư 100.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ (số đầu năm là 50.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ).

**Giá trị hợp lý**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Tình hình hoạt động của công ty con**

Công ty TNHH Thực phẩm Bích Chi 2 hiện đã hoàn thành giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, đang bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

|                    | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b> |
|--------------------|-----------------------|------------------|
| Số đầu năm         | -                     | -                |
| Trích lập dự phòng | 11.564.087.918        | -                |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>11.564.087.918</b> | <b>-</b>         |

*Giao dịch với công ty con*

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Thực phẩm Bích Chi 2 là công ty con như sau:

|                     | <b>Năm nay</b> | <b>Năm trước</b> |
|---------------------|----------------|------------------|
| Góp vốn             | 50.000.000.000 | -                |
| Cho vay             | 69.800.000.000 | 36.851.168.000   |
| Thu tiền cho vay    | 33.862.527.570 | -                |
| Lãi cho vay         | 4.495.261.471  | 2.044.500.399    |
| Mua hàng hóa        | 46.777.600     | -                |
| Bán tài sản cố định | -              | 454.545.455      |

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|                             | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>     |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Janus Services B.V          | 8.989.104.930         | 6.286.709.654         |
| Quinworth Resources Sdn Bhd | 4.592.555.082         | 7.992.130.883         |
| Kwan Yick (U.K) Litited     | 11.853.194.999        | 2.897.894.654         |
| Huasanwan Foodmart, Inc     | 8.616.286.717         | 1.674.797.826         |
| Các khách hàng khác         | 52.247.497.635        | 45.962.288.807        |
| <b>Cộng</b>                 | <b>86.298.639.363</b> | <b>64.813.821.824</b> |

Một số công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng tại mọi thời điểm với số tiền 21.000.000.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp (xem thuyết minh số V.19a).

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|                                                                | <b>Số cuối năm</b>   | <b>Số đầu năm</b>    |
|----------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Xây dựng và Phòng cháy Đại Thắng                  | -                    | 2.425.000.000        |
| Công ty TNHH Cơ khí Điện tự động hóa Trung Dũng                | 831.900.000          | 831.900.000          |
| Trung tâm Xúc tiến thương mại Nông nghiệp                      | 349.800.000          | 85.000.000           |
| Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Kỹ thuật Đức Phát | 437.184.000          | 437.184.000          |
| Công ty Cổ phần Vân Nam                                        | 350.000.000          | -                    |
| Công ty TNHH Cách âm cách nhiệt An Phát                        | 410.008.883          | -                    |
| Các nhà cung cấp khác                                          | 554.902.000          | 802.174.400          |
| <b>Cộng</b>                                                    | <b>2.933.794.883</b> | <b>4.581.258.400</b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|                                                                             | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| <i>Trong đó:</i>                                                            |                    |                   |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn về mua sắm tài sản cố định/xây dựng cơ bản | 1.269.084.000      | 3.694.084.000     |

**5. Phải thu khác ngắn hạn**

|                                    | <u>Số cuối năm</u>   |                 | <u>Số đầu năm</u>    |                 |
|------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
|                                    | <u>Giá trị</u>       | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u>       | <u>Dự phòng</u> |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn             | 2.077.196.056        | -               | 1.421.632.630        | -               |
| Tạm ứng                            | 368.680.000          | -               | 80.000.000           | -               |
| Thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn | 3.808.399.491        | -               | 2.408.368.344        | -               |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác   | 412.627.502          | -               | 397.317.200          | -               |
| <b>Cộng</b>                        | <b>6.666.903.049</b> | <b>-</b>        | <b>4.307.318.174</b> | <b>-</b>        |

**6. Nợ xấu**

|                                                                           | <u>Số cuối năm</u>        |                      |                               | <u>Số đầu năm</u>         |                      |                               |
|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------|-------------------------------|---------------------------|----------------------|-------------------------------|
|                                                                           | <u>Thời gian quá hạn</u>  | <u>Giá gốc</u>       | <u>Giá trị có thể thu hồi</u> | <u>Thời gian quá hạn</u>  | <u>Giá gốc</u>       | <u>Giá trị có thể thu hồi</u> |
| Asian Food Supply - Phải thu tiền bán hàng                                | Trên 03 năm               | 1.410.096.043        | -                             | Trên 03 năm               | 1.365.538.803        | -                             |
| Công ty TNHH Cơ khí Điện tử động hóa Trung Dũng - Trả trước cho người bán | Trên 03 năm               | 831.900.000          | -                             |                           |                      |                               |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - Phải thu tiền bán hàng             | Từ 02 năm đến trên 03 năm | 1.510.334.526        | 244.928.145                   | Từ 02 năm đến trên 03 năm | 4.014.322.006        | 2.760.648.692                 |
| <b>Cộng</b>                                                               |                           | <b>3.752.330.569</b> | <b>244.928.145</b>            |                           | <b>5.379.860.809</b> | <b>2.760.648.692</b>          |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

|                                        | <u>Năm nay</u>       | <u>Năm trước</u>     |
|----------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm                             | 2.619.212.117        | 3.396.768.718        |
| Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng bổ sung | 888.190.307          | (777.556.601)        |
| <b>Số cuối năm</b>                     | <b>3.507.402.424</b> | <b>2.619.212.117</b> |

**7. Hàng tồn kho**

|                                      | <u>Số cuối năm</u>     |                 | <u>Số đầu năm</u>      |                 |
|--------------------------------------|------------------------|-----------------|------------------------|-----------------|
|                                      | <u>Giá gốc</u>         | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u>         | <u>Dự phòng</u> |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 68.526.897.122         | -               | 63.211.405.500         | -               |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 28.873.667.821         | -               | 28.451.159.632         | -               |
| Thành phẩm                           | 7.988.519.297          | -               | 12.742.216.336         | -               |
| Hàng gửi đi bán                      | 886.116.570            | -               | 8.436.078.083          | -               |
| <b>Cộng</b>                          | <b>106.275.200.810</b> | <b>-</b>        | <b>112.840.859.551</b> | <b>-</b>        |

Một số hàng tồn kho tại mọi thời điểm có giá trị ghi sổ là 59.000.000.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp (xem thuyết minh số V.19).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                     | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>  |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Công cụ, dụng cụ                    | 74.584.250         | 44.983.333         |
| Chi phí bảo hiểm                    | 253.250.487        | 198.022.615        |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | -                  | 26.922.778         |
| <b>Cộng</b>                         | <b>327.834.737</b> | <b>269.928.726</b> |

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

|                                  | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>  |
|----------------------------------|--------------------|--------------------|
| Công cụ, dụng cụ                 | 328.961.937        | 206.665.049        |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 585.039.583        | -                  |
| <b>Cộng</b>                      | <b>914.001.520</b> | <b>206.665.049</b> |

**9. Phải thu về cho vay dài hạn**

Khoản cho Công ty TNHH Thực phẩm Bích Chi 2 là bên liên quan vay không có tài sản đảm bảo với lãi suất 5,9%/năm - 6,5%/năm, thời hạn vay 07 năm.

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

**11. Tài sản cố định vô hình**

|                                       | <u>Quyền<br/>sử dụng đất</u> | <u>Chương trình<br/>phần mềm<br/>máy tính</u> | <u>Cộng</u>        |
|---------------------------------------|------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                              |                                               |                    |
| Số đầu năm                            | 230.000.000                  | 124.500.000                                   | 354.500.000        |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>230.000.000</b>           | <b>124.500.000</b>                            | <b>354.500.000</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                              |                                               |                    |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | -                            | 124.500.000                                   | 124.500.000        |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                              |                                               |                    |
| Số đầu năm                            | -                            | 124.500.000                                   | 124.500.000        |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>-</b>                     | <b>124.500.000</b>                            | <b>124.500.000</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                              |                                               |                    |
| Số đầu năm                            | 230.000.000                  | -                                             | 230.000.000        |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>230.000.000</b>           | <b>-</b>                                      | <b>230.000.000</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                              |                                               |                    |
| Tạm thời không sử dụng                | -                            | -                                             | -                  |
| Đang chờ thanh lý                     | -                            | -                                             | -                  |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ**

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|                                           | Số đầu năm            | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm | Kết chuyển giảm khác | Số cuối năm           |
|-------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------|------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định                   | 6.491.764.767         | -                           | -                                        | (152.633.452)        | 6.339.131.315         |
| Xây dựng cơ bản dở dang                   | 4.874.012.949         | 14.129.657.857              | (3.807.906.307)                          | -                    | 15.195.764.499        |
| - Công trình chế tạo Máy xay gạo          | 1.007.977.067         | -                           | -                                        | -                    | 1.007.977.067         |
| - Công trình chế tạo Máy quếch làm miễn   | 206.601.000           | 1.516.698.454               | -                                        | -                    | 1.723.299.454         |
| - Công trình nâng cấp Máy sấy trắng nem 2 | 1.424.323.606         | 3.828.650.842               | (2.280.413.885)                          | -                    | 2.972.560.563         |
| - Công trình nâng cấp Máy sấy hủ tiêu 5   | 663.982.490           | 3.056.471.981               | -                                        | -                    | 3.720.454.471         |
| - Công trình Sàn sắt phân xưởng hủ tiêu   | -                     | 2.013.363.183               | -                                        | -                    | 2.013.363.183         |
| - Các công trình khác                     | 1.571.128.786         | 3.714.473.397               | (1.527.492.422)                          | -                    | 3.758.109.761         |
| <b>Cộng</b>                               | <b>11.365.777.716</b> | <b>14.129.657.857</b>       | <b>(3.807.906.307)</b>                   | <b>(152.633.452)</b> | <b>21.534.895.814</b> |

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                                           | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Bao bì Tân Tiến Phát Tài | 1.190.740.532         | 2.849.505.685         |
| Công ty Cổ phần Bao bì Mai Thụ                            | 2.066.061.816         | 2.043.594.346         |
| Công ty TNHH MTV Danh Dự                                  | 635.040.000           | 3.509.211.600         |
| Các nhà cung cấp khác                                     | 10.704.759.076        | 12.792.276.703        |
| <b>Cộng</b>                                               | <b>14.596.601.424</b> | <b>21.194.588.334</b> |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|                                   | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Star Anise Foods                  | 610.834.551          | -                    |
| World Food                        | -                    | 637.259.500          |
| Ningbo Ganglong Import and Export | 582.375.000          | 582.375.000          |
| KK Food Trading Co.Ltd.           | 511.592.832          | -                    |
| Các khách hàng khác               | 3.033.299.397        | 2.713.655.172        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>4.738.101.780</b> | <b>3.933.289.672</b> |

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                            | Số đầu năm    |          | Số phát sinh trong năm |                  | Số cuối năm   |          |
|----------------------------|---------------|----------|------------------------|------------------|---------------|----------|
|                            | Phải nộp      | Phải thu | Số phải nộp            | Số đã thực nộp   | Phải nộp      | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu   | -             | -        | 416.897.880            | (416.897.880)    | -             | -        |
| Thuế xuất, nhập khẩu       | -             | -        | 125.869.800            | (125.869.800)    | -             | -        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.335.703.454 | -        | 31.240.319.888         | (29.715.003.268) | 5.861.020.074 | -        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 70.273.048    | -        | 6.412.077.376          | (4.155.467.523)  | 2.326.882.901 | -        |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

|                                        | Số đầu năm    |             | Số phát sinh trong năm |                  | Số cuối năm   |             |
|----------------------------------------|---------------|-------------|------------------------|------------------|---------------|-------------|
|                                        | Phải nộp      | Phải thu    | Số phải nộp            | Số đã thực nộp   | Phải nộp      | Phải thu    |
| Thuế tài nguyên                        | -             | -           | 6.195.200              | (6.195.200)      | -             | -           |
| Thuế nhà đất                           | -             | -           | 30.078.091             | (30.078.091)     | -             | -           |
| Tiền thuê đất                          | -             | 956.643.195 | 827.107.539            | -                | -             | 129.535.656 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -             | -           | 108.162.205            | (108.162.205)    | -             | -           |
| Cộng                                   | 4.405.976.502 | 956.643.195 | 39.166.707.979         | (34.557.673.967) | 8.187.902.975 | 129.535.656 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng lương thực, thực phẩm xuất khẩu 0%
- Hàng lương thực, thực phẩm nội địa và dịch vụ khác 10%

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|                                                                                                          | Năm nay         | Năm trước       |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                                        | 153.110.287.148 | 132.021.861.835 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                 |                 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                                                              | 2.288.534.318   | 894.305.867     |
| - Các khoản điều chỉnh giảm                                                                              | -               | (956.718.922)   |
| Thu nhập chịu/tính thuế                                                                                  | 155.398.821.466 | 131.959.448.780 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                     | 20%             | 20%             |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp                                                                      | 31.079.764.293  | 26.391.889.756  |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước                                         | 160.555.595     | 146.514.078     |
| Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp                                                             | 31.240.319.888  | 26.538.403.834  |



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### **Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới đất với mức 4.000 VND/m<sup>3</sup> với mức thuế suất 8%, cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng làm mát, vệ sinh công nghiệp, xây dựng với mức 4.000 VND/m<sup>3</sup> với mức thuế suất 3%.

#### **Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

| <u>Vị trí đất</u>                                          | <u>Mức tiền thuê</u>           |
|------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| - Phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (30.995,1 m <sup>2</sup> ) | 39.142 VND/m <sup>2</sup> /năm |
| - Phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (7.426,7 m <sup>2</sup> )  | 59.381 VND/m <sup>2</sup> /năm |

#### **Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### **Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### **16. Phải trả người lao động**

|                      | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền lương phải trả  | 6.446.046.763         | 6.119.921.632         |
| Tiền thưởng phải trả | 8.327.350.000         | 7.139.206.000         |
| <b>Cộng</b>          | <b>14.773.396.763</b> | <b>13.259.127.632</b> |

#### **17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                          | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>  |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 40.316.177         | 30.746.757         |
| Chi phí tiền điện        | 487.708.368        | 440.542.005        |
| <b>Cộng</b>              | <b>528.024.545</b> | <b>471.288.762</b> |

#### **18. Phải trả khác**

##### **18a. Phải trả ngắn hạn khác**

|                                  | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Kinh phí công đoàn               | 941.956.797           | 933.920.997           |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn    | 172.000.000           | 202.000.000           |
| Cổ tức phải trả                  | 43.281.603.900        | 33.897.213.000        |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 641.937.138           | 992.144.911           |
| <b>Cộng</b>                      | <b>45.037.497.835</b> | <b>36.025.278.908</b> |

##### **18b. Phải trả dài hạn khác**

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

##### **18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 19. Vay ngắn hạn

|                                                                                 | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng                                                          | 75.279.826.115        | 51.956.323.236        |
| - Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp <sup>(i)</sup> | 68.702.932.181        | 51.956.323.236        |
| - Vay Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Đồng Tháp <sup>(ii)</sup>                | 6.576.893.934         | -                     |
| <b>Cộng</b>                                                                     | <b>75.279.826.115</b> | <b>51.956.323.236</b> |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay không quá 04 tháng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn, nợ phải thu và thế chấp hàng tồn kho của Công ty (xem thuyết minh số V.2a, V.3 và V.7).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay không quá 06 tháng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn Công ty (xem thuyết minh số V.2a).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

|                                             |                       |
|---------------------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                                  | 51.956.323.236        |
| Số tiền vay phát sinh                       | 206.594.462.347       |
| Tăng do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm | 140.700.028           |
| Số tiền vay đã trả                          | (183.411.659.496)     |
| <b>Số cuối năm</b>                          | <b>75.279.826.115</b> |

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

#### 20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

|                 | Số đầu năm           | Chi quỹ trong năm    | Số cuối năm          |
|-----------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 4.637.440.713        | (297.008.000)        | 4.340.432.713        |
| Quỹ phúc lợi    | 274.698.557          | (126.640.000)        | 148.058.557          |
| <b>Cộng</b>     | <b>4.912.139.270</b> | <b>(423.648.000)</b> | <b>4.488.491.270</b> |

#### 21. Vốn chủ sở hữu

##### 21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

##### 21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

|                      | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|----------------------|------------------------|------------------------|
| Ông Phạm Thanh Bình  | 54.825.200.000         | 48.951.080.000         |
| Ông Bùi Văn Sáu      | 37.995.860.000         | 33.924.880.000         |
| Bà Nguyễn Hương Liên | 36.921.460.000         | 32.965.590.000         |
| Ông Mai Thế Khôi     | 36.805.540.000         | 32.862.090.000         |
| Các cổ đông khác     | 213.099.640.000        | 190.268.490.000        |
| <b>Cộng</b>          | <b>379.647.700.000</b> | <b>338.972.130.000</b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:12 (cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 12 cổ phiếu phát hành thêm) theo Nghị quyết số 07/NQ.ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 40.675.570.000 VND. Ngày 25 tháng 6 năm 2025, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 24 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 379.647.700.000 VND và Công ty đã nhận được Quyết định số 781/QĐ-SGDHN ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty cổ phần Thực phẩm Bích Chi.

#### 21c. Cổ phiếu

|                                        | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 37.964.770  | 33.897.213 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 37.964.770  | 33.897.213 |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 37.964.770  | 33.897.213 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -           | -          |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | -           | -          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 37.964.770  | 33.897.213 |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 37.964.770  | 33.897.213 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 21d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 07/NQ.ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, lợi nhuận năm 2024 được Công ty phân phối như sau:

|                                               | VND                    |
|-----------------------------------------------|------------------------|
| • Chia cổ tức bằng tiền (đã tạm ứng năm 2024) | : 61.014.983.400       |
| • Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)               | : 40.676.655.600       |
| • Trích lập quỹ từ thiện xã hội               | : 500.000.000          |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>102.191.639.000</b> |

(\*) Giá trị cổ tức phân phối thực tế theo mệnh giá là 40.675.570.000 VND (dự kiến là 40.676.655.600 VND).

Ngoài ra, Công ty cũng tạm ứng cổ tức đợt 1 và đợt 2 năm 2025 cho các cổ đông với số tiền 75.929.540.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 14/NQ.HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 22/NQ.HĐQT ngày 18 tháng 11 năm 2025.

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức như sau:

|             | Năm nay               | Năm trước             |
|-------------|-----------------------|-----------------------|
| Cổ tức      | 66.545.149.100        | 57.788.423.900        |
| <b>Cộng</b> | <b>66.545.149.100</b> | <b>57.788.423.900</b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### 22a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

|                        | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống    | 1.654.215.077         | 1.368.532.208         |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 6.616.860.308         | 5.474.128.832         |
| Trên 05 năm            | 39.459.919.955        | 31.652.161.870        |
| <b>Cộng</b>            | <b>47.730.995.340</b> | <b>38.494.822.910</b> |

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 30.995,1 m<sup>2</sup> đất tại phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp với giá thuê là 39.142 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 31 tháng 10 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 7.426,7 m<sup>2</sup> đất tại phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp với giá thuê là 59.381 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 04 tháng 02 năm 2013.

##### 22b. Ngoại tệ các loại

|                 | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------|-------------|------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 561.929,31  | 246.390,79 |
| Euro (EUR)      | 8.561,64    | 32.044,77  |
| Bảng Anh (£)    | 150,30      | 156,90     |

##### 22c. Nợ khó đòi đã xử lý

|                                  | Số cuối năm |                      | Số đầu năm |                      |                           |
|----------------------------------|-------------|----------------------|------------|----------------------|---------------------------|
|                                  | Nguyên tệ   | VND                  | Nguyên tệ  | VND                  | Nguyên nhân xóa sổ        |
| Royal Foods - Paris              | 33.032      | 706.224.160          | 33.032     | 706.224.160          | Không có khả năng thu hồi |
| S & B Herba Foods Limited - UK   | 30.213      | 645.953.940          | 30.213     | 645.953.940          | Không có khả năng thu hồi |
| Good Life Handels GMBH - Germany | 30.132      | 644.222.160          | 30.132     | 644.222.160          | Không có khả năng thu hồi |
| Trans Actions Sarl - Senegal     | 27.000      | 577.260.000          | 27.000     | 577.260.000          | Không có khả năng thu hồi |
| Kim Sun Trading Co., Ltd - UK    | 24.600      | 394.362.600          | 24.600     | 394.362.600          | Không có khả năng thu hồi |
| Các khách hàng nước ngoài khác   | 51.708      | 907.831.040          | 51.708     | 907.831.040          | Không có khả năng thu hồi |
| Các khách hàng nội địa khác      |             | 274.958.820          |            | 274.958.820          | Không có khả năng thu hồi |
| <b>Cộng</b>                      |             | <b>4.150.812.720</b> |            | <b>4.150.812.720</b> |                           |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

|                            | <b>Năm nay</b>         | <b>Năm trước</b>       |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa     | 16.770.000             | -                      |
| Doanh thu bán thành phẩm   | 795.937.930.260        | 771.348.431.395        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 2.210.989.612          | 1.943.721.227          |
| <b>Cộng</b>                | <b>798.165.689.872</b> | <b>773.292.152.622</b> |

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

|                       | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b>      |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chiết khấu thương mại | 16.517.764.164        | 11.038.937.103        |
| Hàng bán bị trả lại   | 427.884.229           | 364.979.195           |
| <b>Cộng</b>           | <b>16.945.648.393</b> | <b>11.403.916.298</b> |

**3. Giá vốn hàng bán**

|                                 | <b>Năm nay</b>         | <b>Năm trước</b>       |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán     | 20.097.944             | -                      |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán   | 552.963.446.476        | 561.553.532.153        |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 44.444.196             | -                      |
| <b>Cộng</b>                     | <b>553.027.988.616</b> | <b>561.553.532.153</b> |

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                 | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b>      |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn          | 6.254.432.227         | 5.203.639.481         |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn       | 750.490.713           | 24.688.409            |
| Lãi tiền cho vay                | 4.495.261.471         | 2.044.500.399         |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 7.234.921.774         | 7.536.147.281         |
| <b>Cộng</b>                     | <b>18.735.106.185</b> | <b>14.808.975.570</b> |

**5. Chi phí tài chính**

|                                                                            | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b>     |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay                                                            | 3.388.230.385         | 2.755.199.594        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh                                             | 707.137.435           | 2.278.487.500        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 187.882.551           | 603.292.094          |
| Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư                                          | 11.564.087.918        | -                    |
| <b>Cộng</b>                                                                | <b>15.847.338.289</b> | <b>5.636.979.188</b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Chi phí bán hàng**

|                                  | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b>      |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 7.413.415.158         | 4.983.326.973         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 169.011.888           | 95.834.664            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 45.593.105.655        | 41.728.838.506        |
| Chi phí vận chuyển, bốc vác      | 33.759.023.676        | 32.417.092.817        |
| Chi phí hoa hồng                 | 9.025.189.572         | 8.416.416.044         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài khác   | 2.808.892.407         | 895.329.645           |
| Chi phí khác                     | 3.994.224.526         | 3.766.300.529         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>57.169.757.227</b> | <b>50.574.300.672</b> |

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                                | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b>      |
|------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên                          | 12.115.728.749        | 20.118.467.566        |
| Chi phí vật liệu quản lý                       | 242.607.800           | 1.619.250.814         |
| Chi phí đồ dùng văn phòng                      | 1.038.618.999         | 746.961.362           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định               | 1.304.355.516         | 1.480.258.225         |
| Thuế, phí và lệ phí                            | 888.075.560           | 1.467.352.426         |
| Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi | 888.190.307           | (777.556.601)         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 3.331.844.100         | 2.032.189.299         |
| Chi phí khác                                   | 3.645.662.606         | 3.637.530.948         |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>23.455.083.637</b> | <b>30.324.454.039</b> |

**8. Thu nhập khác**

|                                          | <b>Năm nay</b>       | <b>Năm trước</b>     |
|------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | -                    | 514.545.455          |
| Thu tiền trực in bao bì                  | 640.472.451          | 433.583.272          |
| Thu tiền cước tàu                        | 2.323.866.951        | 2.456.393.070        |
| Thu nhập khác                            | 407.752.250          | 324.368.504          |
| <b>Cộng</b>                              | <b>3.372.091.652</b> | <b>3.728.890.301</b> |

**9. Chi phí khác**

|                                           | <b>Năm nay</b>     | <b>Năm trước</b>   |
|-------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Thuế bị phạt, bị truy thu                 | 3.429.453          | 55.103.945         |
| Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ | 171.120.880        | -                  |
| Chi phí hải quan                          | 156.800.000        | 152.000.000        |
| Chi phí xử lý thiếu kiểm kê               | 171.500.117        | 71.306.972         |
| Chi phí khác                              | 213.933.949        | 36.563.391         |
| <b>Cộng</b>                               | <b>716.784.399</b> | <b>314.974.308</b> |

**10. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Năm nay         | Năm trước       |
|----------------------------------|-----------------|-----------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 417.415.739.099 | 466.101.923.504 |
| Chi phí nhân công                | 106.544.151.641 | 99.387.666.333  |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 17.810.847.832  | 18.529.677.796  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 70.030.583.628  | 62.725.912.610  |
| Chi phí khác                     | 9.617.194.199   | 8.296.273.902   |
| Cộng                             | 621.418.516.399 | 655.041.454.145 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về trả cổ tức cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc với số tiền là 63.774.173.000 VND (năm trước 40.650.210.300 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

| Họ và tên              | Chức danh                                     | Năm nay       | Năm trước     |
|------------------------|-----------------------------------------------|---------------|---------------|
| Ông Mai Thế Khôi       | Chủ tịch HĐQT                                 | 67.500.000    | 67.700.000    |
| Ông Phạm Thanh Bình    | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc            | 1.454.950.000 | 1.355.125.000 |
| Ông Phạm Hoàng Thái    | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc        | 881.725.000   | 878.750.000   |
| Ông Bùi Văn Sáu        | Thành viên HĐQT                               | 528.700.000   | 528.700.000   |
| Ông Trang Sĩ Đức       | Thành viên HĐQT                               | 190.200.000   | 190.200.000   |
| Ông Nguyễn Ngọc Tiều   | Thành viên HĐQT                               | 190.200.000   | 190.200.000   |
| Bà Nguyễn Hương Liên   | Thành viên HĐQT                               | 54.000.000    | 54.200.000    |
| Bà Bùi Thị Ngọc Tuyền  | Phó Tổng Giám đốc                             | 825.225.000   | 830.175.000   |
| Ông Trương Thành Nhiệm | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06/5/2024) | -             | 222.712.037   |
| Ông Trần Quang Minh    | Phó Tổng Giám đốc                             | 560.525.000   | 350.175.000   |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

| Họ và tên              | Chức danh                | Năm nay              | Năm trước            |
|------------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thu Thủy | Trưởng Ban kiểm soát     | 54.000.000           | 56.200.000           |
| Ông Trần Mạnh Hùng     | Thành viên Ban kiểm soát | 40.500.000           | 40.700.000           |
| Bà Nguyễn Thị Thu Thảo | Thành viên Ban kiểm soát | 40.500.000           | 40.700.000           |
| <b>Cộng</b>            |                          | <b>4.888.025.000</b> | <b>4.805.537.037</b> |

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

| Bên liên quan khác                | Mối quan hệ                                                                    |
|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty TNHH Thực phẩm Bích Chi 2 | Công ty con                                                                    |
| Công ty Cổ phần Đầu tư BFIW       | Công ty có người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Bagang  | Công ty có người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty |
| Công ty Cổ phần Eco Giống         | Công ty có người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty |
| Công ty Cổ phần Nước Thắc Lợi     | Công ty có người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty |

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.9.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

#### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

##### 2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động sản xuất và chế biến các sản phẩm từ lương thực, thực phẩm. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là cho thuê mặt bằng, bán hàng hóa chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu (năm 2025 là khoảng 0,28%). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

##### 2b. *Thông tin về khu vực địa lý*

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

|             | Năm nay                | Năm trước              |
|-------------|------------------------|------------------------|
| Nước ngoài  | 575.771.952.007        | 567.614.250.848        |
| Trong nước  | 205.448.089.472        | 194.273.985.476        |
| <b>Cộng</b> | <b>781.220.041.479</b> | <b>761.888.236.324</b> |

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 3 năm 2026

**Phan Thị Tuyết Sương**  
Người lập

**Trần Văn Thiệu**  
Kế toán trưởng



**Phạm Thanh Bình**  
Tổng Giám đốc



371  
GT  
CP  
IC  
ĐỒN



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

|                                       |                        |                     |                                 | Đơn vị tính: VND          |                 |
|---------------------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------|
|                                       | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng            |
| Nguyên giá                            |                        |                     |                                 |                           |                 |
| Số đầu năm                            | 92.850.825.013         | 179.411.005.961     | 5.469.433.186                   | 608.100.000               | 278.339.364.160 |
| Mua trong năm                         | 68.324.000             | 4.533.940.741       | 395.000.000                     | -                         | 4.997.264.741   |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành     | 430.226.215            | 3.377.680.092       | -                               | -                         | 3.807.906.307   |
| Thanh lý, nhượng bán                  | -                      | (2.384.000.000)     | -                               | -                         | (2.384.000.000) |
| Số cuối năm                           | 93.349.375.228         | 184.938.626.794     | 5.864.433.186                   | 608.100.000               | 284.760.535.208 |
| Trong đó:                             |                        |                     |                                 |                           |                 |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 59.703.252.159         | 116.938.037.327     | 4.254.609.223                   | 461.100.000               | 181.356.998.709 |
| Chờ thanh lý                          | -                      | -                   | -                               | -                         | -               |
| Giá trị hao mòn                       |                        |                     |                                 |                           |                 |
| Số đầu năm                            | 63.861.706.662         | 139.296.109.715     | 4.265.111.295                   | 478.250.000               | 207.901.177.672 |
| Khấu hao trong năm                    | 4.627.799.507          | 12.956.547.545      | 197.100.780                     | 29.400.000                | 17.810.847.832  |
| Thanh lý, nhượng bán                  | -                      | (2.384.000.000)     | -                               | -                         | (2.384.000.000) |
| Số cuối năm                           | 68.489.506.169         | 149.868.657.260     | 4.462.212.075                   | 507.650.000               | 223.328.025.504 |
| Giá trị còn lại                       |                        |                     |                                 |                           |                 |
| Số đầu năm                            | 28.989.118.351         | 40.114.896.246      | 1.204.321.891                   | 129.850.000               | 70.438.186.488  |
| Số cuối năm                           | 24.859.869.059         | 35.069.969.534      | 1.402.221.111                   | 100.450.000               | 61.432.509.704  |
| Trong đó:                             |                        |                     |                                 |                           |                 |
| Tạm thời chưa sử dụng                 | -                      | -                   | -                               | -                         | -               |
| Đang chờ thanh lý                     | -                      | -                   | -                               | -                         | -               |

Phan Thị Tuyết Sương  
Người lập

Trần Văn Thiệu  
Kế toán trưởng

Phạm Thanh Bình  
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 3 năm 2026

CP THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

37

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ**

Địa chỉ: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                                          | Vốn góp<br>của chủ sở hữu | Quý đầu tư<br>phát triển | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối | Cộng                   |
|------------------------------------------|---------------------------|--------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước                      | 322.831.800.000           | 13.982.553.207           | 16.754.767.487                       | 353.569.120.694        |
| Trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm trước | 16.140.330.000            | -                        | (16.140.330.000)                     | -                      |
| Lợi nhuận trong năm trước                | -                         | -                        | 105.483.458.001                      | 105.483.458.001        |
| Trích lập các quỹ trong năm trước        | -                         | -                        | (500.000.000)                        | (500.000.000)          |
| Chia cổ tức trong năm trước              | -                         | -                        | (61.014.983.400)                     | (61.014.983.400)       |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>              | <b>338.972.130.000</b>    | <b>13.982.553.207</b>    | <b>44.582.912.088</b>                | <b>397.537.595.295</b> |
| Số dư đầu năm nay                        | 338.972.130.000           | 13.982.553.207           | 44.582.912.088                       | 397.537.595.295        |
| Trả cổ tức bằng cổ phiếu                 | 40.675.570.000            | -                        | (40.675.570.000)                     | -                      |
| Lợi nhuận trong năm nay                  | -                         | -                        | 121.869.967.260                      | 121.869.967.260        |
| Trích lập các quỹ trong năm nay          | -                         | -                        | (500.000.000)                        | (500.000.000)          |
| Chia cổ tức trong năm nay                | -                         | -                        | (75.929.540.000)                     | (75.929.540.000)       |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>                | <b>379.647.700.000</b>    | <b>13.982.553.207</b>    | <b>49.347.769.348</b>                | <b>442.978.022.555</b> |

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 3 năm 2026

**Phan Thị Tuyết Sương**  
**Người lập**

**Trần Văn Thiệu**  
**Kế toán trưởng**

**Phạm Thanh Bình**  
**Tổng Giám đốc**

